



Victorian Certificate of Education 2010

SUPERVISOR TO ATTACH PROCESSING LABEL HERE

STUDENT NUMBER

Figures

Words

Letter

--

VIETNAMESE

Written examination

Monday 15 November 2010

Reading time: 3.00 pm to 3.15 pm (15 minutes)

Writing time: 3.15 pm to 5.15 pm (2 hours)

QUESTION AND ANSWER BOOK

Structure of book

Section	Number of questions	Number of questions to be answered	Number of marks	Suggested times (minutes)
1 – Part A	2	2	15	30
– Part B	1	1	15	
2 – Part A	1	1	20	40
– Part B	1	1	10	
3	5	1	15	50
			Total 75	120

- Students are permitted to bring into the examination room: pens, pencils, highlighters, erasers, sharpeners, rulers and any printed monolingual and/or bilingual dictionary in one or two separate volumes. Dictionaries may be consulted during the reading time and also during the examination.
- Students are NOT permitted to bring into the examination room: blank sheets of paper and/or white out liquid/tape.
- No calculator is allowed in this examination.

Materials supplied

- Question and answer book of 16 pages, including **Assessment criteria** on page 16.

Instructions

- Write your **student number** in the space provided above on this page.
- Write all your answers in the spaces provided in this question and answer book. The spaces provided give you an idea of how much you should write.

At the end of the examination

- Hand in this question and answer book at the end of the examination.

Students are NOT permitted to bring mobile phones and/or any other unauthorised electronic devices into the examination room.

SECTION 1 – Listening and responding

Instructions for Section 1 – Part A

Texts 1 and 2, Questions 1 and 2

You will hear two texts. Each text will be played twice. There will be a short break between the first and second playings of each text. You may make notes at any time.

Listen carefully to each text and then answer the questions in **ENGLISH**.

All answers **must** be based on the texts.

TEXT 1 – Answer the following questions in **ENGLISH**.

Responses in the wrong language will receive no credit.

Question 1

a. Who is this announcement for?

2 marks

b. What are the benefits of participating in this course?

3 marks

You may make notes
in this space.

TEXT 2 – Answer the following questions in **ENGLISH**.

Responses in the wrong language will receive no credit.

You may make notes
in this space.

Question 2

- a. What does Nam recommend that Lan needs to consider when looking for work?

4 marks

- b. What should Lan include in her résumé apart from her name?

4 marks

- c. Why does Nam advise Lan to prepare some questions prior to the job interview?

2 marks

Total 15 marks

Instructions for Section 1 – Part B

Text 3, Question 3

You will hear one text. The text will be played twice. There will be a short break between the first and second playings of the text. You may make notes at any time.

Listen carefully to the text and then answer the questions in full sentences in **VIETNAMESE**.

All answers **must** be based on the text.

TEXT 3 – Answer the following questions in full sentences in **VIETNAMESE**.
Responses in the wrong language will receive no credit.

You may make notes
in this space.

Question 3

a. According to Dr Trang, what is Swine Flu?

Theo Bác sĩ Trang, bệnh Cúm Heo là gì?

b. How does Swine Flu spread?

Bệnh Cúm Heo lây lan như thế nào?

c. In full sentences, write the symptoms of Swine Flu.

Bằng những câu văn hoàn chỉnh, em hãy cho biết những triệu chứng của bệnh Cúm Heo.

- d. What should we do to avoid being infected by Swine Flu, according to the doctor’s advice?

Để phòng ngừa không bị mắc bệnh Cúm Heo, bác sĩ khuyên chúng ta phải làm gì?

- e. If one of your friends has been infected by Swine Flu, what advice will you give your friend in order to avoid its spread? Use evidence from the interview to support your answer.

Nếu một người bạn của em bị bệnh Cúm Heo, em sẽ khuyên bạn làm gì để tránh lây bệnh cho người khác? Dùng những chứng minh trong bài để hỗ trợ cho câu trả lời của em.

Total 15 marks

You may make notes in this space.

SECTION 2 – Reading and responding**Instructions for Section 2 – Part A****Text 4, Question 4**

Read the text and then answer the questions in **ENGLISH**.

All answers **must** be based on the text.

TEXT 4 – Answer the following questions in **ENGLISH**.

Responses in the wrong language will receive no credit.

You may make notes
in this space.

Thể Lực và Trí Tuệ

(Báo Khoa Học, 15/08/10)

Thường xuyên vận động không chỉ tốt cho cơ thể mà còn giúp cải thiện não bộ, tăng cường khả năng trí tuệ, giảm căng thẳng, hạn chế sự dao động bất thường của hoóc-môn và quá trình lão hóa.

Có nhiều cách nâng cao thể lực như đi bộ, chạy, khiêu vũ, đạp xe, lướt sóng, tập thể dục trong phòng tập, bơi lội hoặc chơi một môn thể thao nào đó. Mỗi ngày nếu bạn chịu dành ra khoảng nửa giờ để tập luyện thì sức khỏe của bạn sẽ khá hơn. Bất kỳ hình thức thể dục thể thao nào cũng sẽ giúp bảo vệ cơ thể khỏi bệnh tiểu đường, tim mạch, ung thư và đột quỵ. Ngoài ra mỗi phút luyện tập sẽ kích thích các hoạt chất và tế bào não, làm chúng ta thông minh, cảm thấy hạnh phúc và trẻ trung hơn. Nếu luyện tập khi còn trẻ trong lúc cơ thể còn khỏe mạnh thì quá trình thoái hóa của não bộ sẽ càng chậm lại.

Chúng ta nên chọn lựa cho mình một hình thức luyện tập đều đặn mỗi ngày nhằm duy trì thể lực và hỗ trợ chức năng não bộ.

Question 4

a. According to this text, what are the benefits of regular exercise?

5 marks

b. According to the text, what might happen to your health if you do not exercise?

2 marks

c. How does exercise affect your brain?

3 marks

d. List two groups of readers that might benefit from reading this text. Give reasons for your answers.

4 marks

e. What makes the text so effective in passing on its message to its readers?

6 marks

Total 20 marks

You may make notes
in this space.

Instructions for Section 2 – Part B**Text 5, Question 5**

Read the text and then answer the questions in full sentences in **VIETNAMESE**.

All answers **must** be based on the text.

TEXT 5 – Answer the following questions in full sentences in **VIETNAMESE**.
Responses in the wrong language will receive no credit.

You may make notes
in this space.

Tết Trung Thu

Tết Trung Thu hay Tết Thiếu Nhi là một trong những ngày lễ tết quan trọng của người Việt. Tết này nhằm ngày Rằm tháng Tám Âm Lịch hàng năm. Người Việt cho rằng ngày này trăng tròn, sáng và đẹp nhất trong năm, nông dân nghỉ ngơi và vui chơi sau một vụ mùa nên họ bày tiệc ngoài sân để tận hưởng khí trời mát mẻ của mùa thu.

Đây cũng là dịp để cha mẹ thể hiện tình thương yêu con cái một cách cụ thể. Họ mua hoặc làm đủ thứ lồng đèn thắp bằng nến để treo trong nhà và để các con rước đèn. Riêng các em thì ngồi quây quần tại các cổng làng, hoặc dưới gốc cây cổ thụ để nghe những câu chuyện cổ tích cho tới khi mặt trăng tỏa sáng như ban ngày. Các em bắt đầu rước đèn quanh xóm làng, vừa đi vừa hát những bài hát về Tết Trung Thu. Lồng đèn tượng trưng cho sự sáng suốt; trong khi đó, việc rước đèn tượng trưng cho sự thành công trên đường học vấn.

Hàng năm, các cộng đồng người Việt hải ngoại thường tổ chức Tết Trung Thu nhằm duy trì một trong những nét đặc sắc của nền văn hóa Việt Nam. Nó cũng mang những kỷ niệm đẹp và ý nghĩa đặc biệt trong lòng mỗi trẻ thơ Việt Nam.

Question 5

- a. According to the text, what are four special features of the Autumn Moon Festival?

Dựa vào bài đọc, hãy nêu ra bốn điểm đặc sắc về Tết Trung Thu.

You may make notes
in this space.

SECTION 3 – Writing in Vietnamese**Instructions for Section 3**

Answer **one** question in 200–300 words in **VIETNAMESE**.

Responses in the wrong language will receive no credit.

Space is provided on the following page to make notes.

Question 6

After completing Year 12, your friend has decided to look for a full-time, unskilled job. Write a letter to your friend and advise this person to continue with tertiary study or an apprenticeship/traineeship program for better future employment.

Sau khi tốt nghiệp lớp 12, bạn của em quyết định sẽ tìm một việc làm toàn thời gian không cần kỹ năng chuyên môn. Hãy viết một lá thư khuyên bạn nên tiếp tục việc học hoặc ghi danh vào các chương trình hướng nghiệp để có một việc làm tốt hơn trong tương lai.

OR**Question 7**

Write an imaginative story for children about life on another planet.

Viết một câu chuyện tưởng tượng dành cho thiếu nhi về đời sống ở một hành tinh khác.

OR**Question 8**

For the occasion of ‘Clean up Australia Day’, your school has organised a clean-up program. Write a persuasive script for a speech to your fellow students encouraging them to participate in this program and suggest ways to maintain the cleanliness of the surrounding environment.

Nhân dịp “Ngày làm sạch nước Úc”, trường em có tổ chức một chương trình làm sạch trường lớp. Hãy viết một bài nói chuyện có sức thuyết phục các bạn học sinh cùng trường nhằm khuyến khích họ tham gia vào chương trình này và đưa ra những biện pháp để giữ gìn vệ sinh môi trường xung quanh.

OR**Question 9**

For ‘Multicultural Week’, the local council has organised a writing competition highlighting community cooking traditions. Write an informative report about the flavours, ingredients and origins of Vietnamese cooking.

Trong tuần lễ “Đa văn hóa”, Hội Đồng Thành Phố địa phương có tổ chức một cuộc thi viết về cách nấu ăn truyền thống. Viết một bài tường trình về những gia vị, nguyên liệu và nguồn gốc của những món ăn Việt Nam.

OR**Question 10**

As a journalist working for a Vietnamese newspaper, write an evaluative article to be published in the Technology column of the paper. In this article, you are to outline the advantages and disadvantages of using the Internet as a research, education and communication tool.

Là ký giả của một tờ báo Việt ngữ, em hãy viết một bài bình luận cho mục “Công nghệ” của tờ báo, trong đó nêu những điều lợi và hại của việc sử dụng Mạng Toàn Cầu trong việc nghiên cứu, giáo dục và giao tiếp.

Total 15 marks

You may make notes in this space.

Write your response on the following pages.

Assessment criteria

Section 1: Listening and responding

Part A

- The capacity to understand and convey general and specific aspects of texts

Part B

- The capacity to understand general and specific aspects of texts
- The capacity to convey information accurately and appropriately

Section 2: Reading and responding

Part A

- The capacity to understand and convey general and specific aspects of texts

Part B

- The capacity to understand general and specific aspects of texts
- The capacity to convey information accurately and appropriately

Section 3: Writing in Vietnamese

- Relevance, breadth and depth of content
- Appropriateness of structure and sequence
- Accuracy, range and appropriateness of vocabulary and grammar

END OF QUESTION AND ANSWER BOOK